

Nhằm đẩy mạnh truyền thông pháp luật về trợ giúp pháp lý, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của Nhân dân trên địa bàn xã, Văn phòng HĐND và UBND xã Phong Quang xin giới thiệu tới độc giả tìm hiểu một số nội dung của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024) và các văn bản hướng dẫn thi hành như sau:

BÀI 6: HỒ SƠ YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

*** Hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý**

Để yêu cầu trợ giúp pháp lý, người có nhu cầu trợ giúp pháp lý phải nộp hồ sơ cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Trợ giúp pháp lý, cụ thể gồm có các giấy tờ sau đây:

- Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;
- Giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý (bản sao có chứng thực);
- Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

Trong đó, Giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý được quy định tại Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý, Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 21/5/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tư pháp Thông tư bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành; Thông tư số 11/2025 /TT-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp Thông sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

“1. Giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng gồm một trong các giấy tờ sau:

- a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;*
- b) Quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;*
- c) Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bằng Anh hùng, Bằng Có công với nước;*

d) Quyết định trợ cấp, phụ cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

đ) Quyết định hoặc giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

e) Kỷ niệm chương Tổ quốc ghi công đối với người có công giúp đỡ cách mạng, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Chiến thắng

2. Giấy tờ chứng minh người thuộc hộ nghèo là giấy chứng nhận hộ nghèo.

3. Giấy tờ chứng minh là trẻ em gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy khai sinh, hộ chiếu;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em.

4. Giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên làng người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó. Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng có thể là Quyết định tạm giam, tạm giữ; Quyết định Điều tra; Quyết định truy tố; Quyết định khởi tố bị can; Quyết định khởi tố vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Bản Kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố; Cáo trạng; Bản án sơ thẩm...

5. Giấy tờ chứng minh người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, phạm nhân là văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền xác định người đó thuộc một trong những diện người này.

6. Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội.

7. Giấy tờ chứng minh là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp tiền tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ hoặc Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, Bằng tổ quốc ghi công có tên liệt sĩ kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân với liệt sĩ.

8. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hoặc Giấy chứng nhận bệnh tật, dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học.

9. Giấy tờ chứng minh là người cao tuổi có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy là người cao tuổi.

10. Giấy tờ chứng minh là người khuyết tật có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

11. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình vào nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra; Quyết định cấm người gây bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình; Quyết định xử lý vi phạm hành chính với người có hành vi bạo lực gia đình.

12. Giấy tờ, tài liệu chứng minh là nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người là văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phòng, chống mua bán người xác định người đó thuộc một trong những diện người này.

13. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm HIV có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người nhiễm HIV.

14. Các loại giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định được người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý. Có thể nêu một số loại giấy tờ như sau:

- Thẻ bảo hiểm y tế được Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tại Quyết định số 1351/QĐ-BHXH ngày 16/11/2015, trong đó đã giải thích rõ các mã số ghi trên thẻ bảo hiểm y tế, thông qua đó xác định được thông tin của người được hưởng bảo hiểm y tế (Điều 2 và Điều 4). Với các thông tin này có thể xác định được diện người được trợ giúp pháp lý theo quy định Luật Trợ giúp pháp lý. Bên cạnh đó, theo Quyết định 959/QĐ- BHXH ngày 09/9/2015 ban hành quy định về quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế của Tổng Giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam thì việc cấp thẻ bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm y tế cấp huyện cấp. Như vậy, có thể sử dụng thẻ bảo hiểm y tế là giấy tờ xác minh diện người được trợ giúp pháp lý.

- Sổ trợ cấp xã hội hàng tháng mà trên sổ có ghi rõ diện đối tượng như người cao tuổi, người khuyết tật... Nếu tại địa phương Sổ trợ cấp xã hội hàng tháng do cơ quan có thẩm quyền cấp và trong đó có các thông tin xác định được người thuộc diện trợ giúp pháp lý thì được coi là giấy tờ xác minh diện người được trợ giúp pháp lý; nếu tại địa phương Sổ này không do cơ quan có thẩm quyền cấp thì sẽ không được coi là giấy tờ xác minh diện người được trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp bị thất lạc các giấy tờ trên thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó”.

*** Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý**

Tùy từng vụ việc, khi yêu cầu trợ giúp pháp lý, người yêu cầu cần nộp các giấy tờ, tài liệu liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

Nếu đối tượng yêu cầu tư vấn pháp luật về một vụ tranh chấp đất đai thì cần đề nghị họ cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản hoà giải, quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền, Bản án của Tòa án,...

- Trong vụ án hình sự, ngoài các tài liệu, giấy tờ có thể làm chứng cứ của vụ án (nếu có) thì tùy theo từng giai đoạn tố tụng và tư cách tham gia tố tụng, người có yêu cầu phải xuất trình một trong các giấy tờ liên quan đến giai đoạn tố tụng.

Một số giấy tờ liên quan có thể là: Quyết định tạm giữ; Quyết định khởi tố bị can; Giấy triệu tập lấy lời khai; Bản Kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố; Cáo trạng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Bản án, Quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc các giấy tờ khác chứng minh vụ việc đang được các cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý mà qua đó cho thấy người có yêu cầu là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự đó.

- Trong vụ, việc dân sự hoặc vụ án hành chính thì vụ việc của người có yêu cầu đã được Tòa án có thẩm quyền thụ lý hoặc có căn cứ để Tòa án thụ lý. Tùy từng giai đoạn tố tụng, ngoài các tài liệu, giấy tờ có thể làm căn cứ (nếu có) người có yêu cầu phải xuất trình một trong các giấy tờ sau: Biên lai thu tiền tạm ứng án phí; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về việc thụ lý vụ án, Bản án, Quyết định của Tòa án hoặc giấy tờ khác chứng minh người có yêu cầu là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ, việc dân sự, người khởi kiện hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính, lao động.

- Đối với các yêu cầu cử người làm đại diện ngoài tố tụng, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý chỉ thụ lý khi có căn cứ chứng minh rằng người yêu cầu trợ giúp pháp lý không thể tự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình (Ví dụ: không biết chữ; không biết tiếng phổ thông; bị hạn chế về thể chất hoặc tâm thần, không có kiến thức pháp luật để làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết vụ việc của mình...). Trong trường hợp này, ngoài việc dựa vào sự quan sát trực quan, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần căn cứ vào một số giấy tờ có liên quan để xác định họ không thể tự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình, cần có người đại diện cho họ để làm việc với các cơ quan, tổ chức liên quan (Ví dụ: xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, chứng nhận của cơ sở y tế...)/.